

CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 350 / HĐQT-VF

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng đầu năm 2015)

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Tên công ty đại chúng : Công ty cổ phần Kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam (VIFON)
- Địa chỉ trụ sở chính : 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM
- Vốn Điều lệ : 103.263.100.000 đồng .

(Bằng chữ: Một trăm lẻ ba tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	Số buổi họp tham dự	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ/GHI CHÚ
1	Lê Thị Ánh Phương	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Hanna Szczygelska	Ủy viên HĐQT	5	100%	
3	Lukasz Gorzynski	Ủy viên HĐQT	5	100%	Làm nhiệm vụ HĐQT đến ngày 30/01/2015, sau đó có đơn xin từ nhiệm và ủy quyền cho bà Lê Thị Ánh Phương ký thay
4	Michal Niescioruk	Ủy viên HĐQT			Làm nhiệm vụ HĐQT từ ngày 25/04/2015 đến nay.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc : Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã qui định trong điều lệ công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : HĐQT không có tiểu ban.



II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị :

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	100/HĐQT-VF	12/03/2015	QĐ của HĐQT v/v triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
2	196/ĐHCD-VF	25/04/2015	Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng : Không.

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan :

Ông Tào Anh Hoàn trưởng ban kiểm soát Công ty CP Kỹ Nghệ Phẩm Việt Nam hiện là Giám đốc Công ty TNHH TM&DV Việt Âu mua cổ phiếu 300 cổ phiếu của cổ đông Phan Văn Đính. File đính kèm.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ NGHỆ THỰC PHẨM
VIỆT NAM
C. TÂN PHÚ - TP. HỒ CHÍ MINH
LÊ THỊ ÁNH PHƯƠNG

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT

DANH SÁCH CHUYỂN NHƯỢNG

(Thống kê theo ngày chứng từ)

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

STT	Số chứng từ	Ngày	Bên chuyển nhượng		Cổ phiếu		Bên nhận chuyển nhượng	
			Mã	Tên	Loại	Số lượng	Mã	Tên
1	01/2015	14/05/2015	0425/BN	PHAN VĂN DÍNH	CPT	300	0816/BN	CTY TNHH TM & DV VIỆT ÂU
Tổng cộng						300		

Ngày 20 tháng 06 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Hương



Chủ tịch HĐQT



Lê Thị Ánh Phương

DANH SÁCH CỘ ĐÔNG

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Stt	Mã CD	Tên cộ đông	CMND/ C/GKDN	Ngày cấp	Dịa chỉ	Quốc tịch	CP được C.Nhượng	CP hạn chế	Mã CP hạn chế	Tổng CP số hữu	Thời gian hạn chế	Tỷ lệ %
01 Hội Đồng Quản Trị - BKS - CDSL												
1	0164/VF	LÊ THỊ ANH PHUONG	N 1236159	0/2008 12.00.00	36 Nowwie St , Gdansk , Bal an, 01	VN	18.200			18.200		1.762
2	0568/BN	TÀO NGOC THANH	N 1541698	8/2012 12.00.00	5C/9 Laszczynskich,Gdansk,Balan	VN	5.000			5.000		0.484
Tổng / phòng ban												
02 Ban Giám Đốc												
3	0068/VF	PHAM XUÂN HOC	024192048	8/2003 12.00.00	26/14 Tân Sơn Nhì - P Tân Sơn Nhì ,Q Tân Bình, 08	VN	1.040			1.040		0.100
4	0285/VF	BÙI PHUONG NAM	021446046	0/2003 12.00.00	29/5 Nguyễn Văn Thủ, P.Dakao, Q.1, 08	VN	2.840			2.840		0.279
Tổng / phòng ban												
03 Cố Đông Nước Ngoài												
5	0408/BN	TRAN DUC THANH	488590354	1/2014 12.00.00	7922 149 Place S E New Castle - WA 98059 - USA	MY	2.124			2.124		0.205
6	0811/BN	CEROTT HOLDING S.A	B 1427778	1/2008 12.00.00	23 Rue Aldringen L - 1118, Luxembourg	LXB	495.000			495.000		47.935
Tổng / phòng ban												
05 Phòng Nghiên Cứu và Phát Triển												
7	0287/VF	LÝ THỊ KIM CHAU	310925659	3/2006 12.00.00	19 Trần Phú, P.4, Q.5, 08	VN	350			350		0.033
Tổng / phòng ban												
06 Phòng Kế Toán												
8	0176/VF	KA THI THU VAN	022228354	5/2001 12.00.00	Tổ 21 KP 6, P. Đông Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	245			245		0.02
9	0185/VF	TRAN BICH HA	021893372	1/2007 12.00.00	118 Hai Trương Lân Ông, P.10, Q.5, 08	VN	620			620		0.06
Tổng / phòng ban												
07 Phòng Tài Chính												
10	0815/VF	NGUYEN VAN THAI	021721617	1/2005 12.00.00	159/28 Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận, 08	VN	860			860		0.08
Tổng / phòng ban												
08 Phòng Kho vận												
11	0194/VF	BUI VAN DÂN	021495030	01/0998 12.00.00	B456 Tổ 20, KP3, P Đông Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	235			235		0.02
Tổng / phòng ban												
09 PX Sản Phẩm Gạo												
12	0310/VF	NGUYEN DINH LAM	024712531	4/2007 12.00.00	242/16/3 Tây Thanh, P Tây Thanh, Q Tân Phú, 08	VN	70			70		0.00
13	0824/VF	LAC NGOC THAO	024146615	5/2003 12.00.00	22/06 Huỳnh Đình Hai, P. 24, Q Bình Thạnh, 08	VN	300			300		0.02
14	0827/VF	NGUYEN THU HOAI	022387931	1/2009 12.00.00	39 Công Lạ, P.15, Q Tân Bình, 08	VN	300			300		0.02

SĐT	Mã CD	Tên cô đồng	C/MND/ GDKN	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	CP được C.Nhượng	CP hạn chế	Mã CP hạn chế	Tổng CP số hữu	Thời gian hạn chế	Tỷ lệ %
Tổng / phòng ban												
11 PX Gia Vĩ												
15	0136/VF	LÃ ANH HOA	022115203	9/1997 12.00.00	359/1/43B Lê Văn Sĩ, P.13, Q.3, 08	VN	40			40		0.003
Tổng / phòng ban												
12 PX Cơ Điện												
16	0046/VF	VÕ QUANG TRUNG	021752636		31/6 Khu Phố 1, Th. Trần Học Môn, Huyện Học Môn, 08	VN	245			245		0.023
Tổng / phòng ban												
15 NPP Vinh												
17	0059/VF	NGÔ THỊ BAY	181361255	1/1996 12.00.00	Khu 3, Phường Lê Lợi, TP Vinh, 38	VN	210			210		0.020
18	0031/VF	NGUYỄN THỊ CHÂU	180466935	6/2007 12.00.00	Khu 19, P. Hưng Bình, TP Vinh, 38	VN	285			285		0.027
19	0038/VF	PHAN VĂN TINH	183159366	8/1997 12.00.00	Khu 4, Phường Lê Lợi, TP Vinh, 38	VN	145			145		0.014
Tổng / phòng ban												
16 Cổ Đông Ngoài Công ty												
20	0003/VF	NGUYỄN NGỌC HÙNG	023939891	0/2002 12.00.00	8/48 Nguyễn Đình Khoi, P.4, Q Tân Bình, 08	VN	7.240			7.240		0.701
21	0009/VF	HUỖ VĂN TIÊU	024538367	4/2006 12.00.00	7/83A, Huyện Vạn Nghiê, P.12, Q Gò Vấp, 08	VN	80			80		0.007
22	0042/VF	NGUYỄN DINH TOÀN	024202149	0/2003 12.00.00	32/B Tân Kỳ Tân Quý, P.15, Q Tân Bình, 08	VN	2.130			2.130		0.206
23	0055/VF	TRƯƠNG MINH SƠN	021888523		190/5D Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, 08	VN	190			190		0.019
24	0111/VF	NGUYỄN THANH BẠCH	024435820	2/2005 12.00.00	13 DHT 29 KP5, P. Đông Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	120			120		0.011
25	0112/VF	NGUYỄN THỊ SÂM	022317493	3/2000 12.00.00	503 Tân Sơn - P.12 - Q. Gò Vấp, 08	VN	745			745		0.072
26	0134/VF	PHAN THỊ THUY	022174010	8/2005 12.00.00	45/18/11 Nguyễn Phúc Chu, P.15, Q Tân Bình, 08	VN	130			130		0.012
27	0147/VF	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	020297569	2/2010 12.00.00	140 Đồng Hưng Thuận 2, P. Đông Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	3.040			3.040		0.29
28	0161/VF	ĐÀO MẠNH CƯỜNG	021746368	2/1999 12.00.00	71/5B Tô Tô 16, Khu Phố 1, Th. Trần Học Môn, Huyện Học Môn, 08	VN	95			95		0.009
29	0170/VF	ĐUÔNG MINH DŨNG	023261266	1/2009 12.00.00	15/1/4 Nguyễn Hồng, P.1, Q Gò Vấp, 08	VN	255			255		0.02
30	0172/VF	ĐUÔNG THỊ MÂN	020767016	5/1997 12.00.00	43/3/1 Tang Ba Hó, P.11, Q Bình Thạnh, 08	VN	3.760			3.760		0.36
31	0173/VF	VŨ THỊ KIM THOA	024940685	4/2008 12.00.00	46 Bè Văn Đàn, Bàu Cát, P.14, Q Tân Bình, 08	VN	60			60		0.00
32	0180/VF	KIM THỊ HUONG GIANG	022775406	3/2008 12.00.00	Số 8 Kha Vạn Cân, P. Linh Chiểu, Q Thủ Đức, 08	VN	40			40		0.00
33	0184/VF	TRẦN TÚ CHÂN	020297530	3/2005 12.00.00	131 Bàu Cát 4, P14, Q Tân Bình, 08	VN	2.775			2.775		0.26
34	0197/VF	LAI VĂN MƯỜI	022174962		121/y Tuê, P. Tân Quý, Q Tân Phú, 08	VN	165			165		0.01
35	0201/VF	VŨ THỊ TUYẾT NGỌC	020870273	8/2006 12.00.00	154/48/17 Phạm Văn Hai, P.3, Q Tân Bình, 08	VN	145			145		0.01
36	0206/VF	ĐỖ THÊN DŨNG	024397243	5/2005 12.00.00	14 Dô Thủ Tân, P. Tân Quý, Q Tân Phú, 08	VN	100			100		0.00
37	0207/VF	NGUYỄN THỊ KIM ANH	024679842	2/2007 12.00.00	127/1B1 Lê Văn Thọ, P.11, Q Gò Vấp, 08	VN	45			45		0.00
38	0213/VF	ĐÀNG VĂN QUẢN	024424426	2/2010 12.00.00	140 Đồng Hưng Thuận, P. Đông Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	2.500			2.500		0.24
39	0281/VF	HỒ THỊ THANH LOAN	022024721	4/1993 12.00.00	45/18/14 Nguyễn Phúc Chu, P.15, Q Tân Bình, 08	VN	160			160		0.01

SĐT	Mã CB	Tên cơ sở	C/MND/ GDKN	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	CP được C.Nhượng	CP hạn chế	Mã CP hạn chế	Tổng CP sở hữu	Thời gian hạn chế	Tỷ lệ %
40	0301/VF	TRẦN THỊ QUỖI	020297487	01/1998 12.00.00	B456, Tổ 20, KP3, P. Đồng Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	280			280		0,0277
41	0343/VF	NGUYỄN THANH HÒA	023980052	02/2001 12.00.00	45/18/11 Nguyễn Phúc Chu, P.15, Q. Tân Bình, 08	VN	145			145		0,0144
42	0344/VF	HOÀNG THANH TỶ	194049689		104/73 Phan Văn Bặc, P.15, Q. Tân Bình, 08	VN	10			10		0,0000
43	0355/VF	HOÀNG THỊ THANH	024597215	7/2006 12.00.00	60/14 Nguyễn Sỹ Sách, P.15, Q.Tân Bình, 08	VN	65			65		0,0065
44	0367/VF	NGUYỄN DINH PHONG	271147783	2/2007 12.00.00	138/12 Thanh Thu, P.12, Q.10, 08	VN	15			15		0,0001
45	0368/VF	NGUYỄN VĂN TOÀN	020907900		122/10/18 Nguyễn Cư Trinh, P. Ng. Cư Trinh, Q.1, 08	VN	5.280			5.280		0,5111
46	0369/VF	LÊ NGỌC MINH	022924940	3/2001 12.00.00	1/178A Khu Phố 5, P. Đồng Hưng Thuận, Q.12, 08	VN	2.615			2.615		0,2533
47	0371/VF	NGUYỄN QUỐC VIỆT	020588841	6/2000 12.00.00	31 Lê V, Khu Phố 5, P. An Lạc A, Q.Bình Tân, 08	VN	1.345			1.345		0,130
48	0374/VF	DIỆP THỊ THUY QUỲNH	025627128	7/2012 12.00.00	C.2 Tầng 8 C/ưu Phước yên 31-33 Phan Huy Ich, P.15 - Q. Tân Bình, 08	VN	40			40		0,003
49	0382/VF	LÊ CHIỀU THỦ	025101893	5/2011 12.00.00	88/2 Phạm Văn Hai, P.3, Q. Tân Bình, 08	VN	5.065			5.065		0,490
50	0385/VF	QUẦN THIẾT CHÁY	020243256	1/2003 12.00.00	Chung Cư Âu Cơ, 004 Lê D, P.5, Q.11, 08	VN	5.115			5.115		0,495
51	0386/VF	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	020901434	02/2003 12.00.00	4 Cô Giang, P.2 Q.Phủ Nhuận, 08	VN	880			880		0,085
52	0387/VF	ĐÀNG TÂN CƯỜNG	023160435	9/2008 12.00.00	34/26-28 Tân Thái Tông, P.15, Tân Bình, HCM, 08	VN	1.075			1.075		0,104
53	0419/BN	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỄN	020449170	4/2009 12.00.00	114/5 Bui Đình Tuy, Phường 12, Q. B. Thanh, TP.HCM, 08	VN	100			100		0,0099
54	0421/BN	BÙI VĂN NGHỊ	011285604	8/2007 12.00.00	50 Ngõ 307, Phố Giảng Võ, 04	VN	200			200		0,019
55	0422/BN	LÊ U KIỆN TRUNG	020029519	2/2012 12.00.00	13 Nguyễn Hiền Cư xã Đỗ Thanh, P.4, Q.3, 08	VN	1.500			1.500		0,145
56	0433/BN	TRẦN THỊ THUY MINH	023987216	8/2008 12.00.00	311 Phan Xích Long - P.7 - Q. Phú Nhuận, 08	VN	500			500		0,048
57	0424/BN	LÊ THỊ NHƯ NGUYỄN	024159327	1/2004 12.00.00	20/20E, Hoa Mễ, P.Đà Kao, Q.1, 08	VN	100			100		0,009
58	0426/BN	PHẦN THỊ THANH	171460071		134/B Thống Nhất, P.16, Q.Cao Vấp, 08	VN	100			100		0,009
59	0427/BN	PHẦN THỊ TÂM	020014591	5/1996 12.00.00	242/7/26 Nguyễn Thiện Thuật, P.3 Q.3, 08	VN	11.914			11.914		1,153
60	0431/BN	ĐUÔNG THỊ ANH NGUYỄN	022783214	4/2005 12.00.00	1702/3A Khu Phố 3, P. An Phú Đông, Q.12, 08	VN	300			300		0,025
61	0536/BN	ĐUÔNG ĐẮC ĐANG			1181 Budapest Malyas Kirby, u 50	VN	7.000			7.000		0,677
62	0551/BN	KHIAU THANH HAI	022542950	8/1998 12.00.00	6 A Phan Đình Phùng - P.2 - Q. Phú Nhuận, 08	VN	2.500			2.500		0,245
63	0571/BN	LÀO ANH TUÂN	223391225	3/2006 12.00.00	27 Nhà Thờ Thánh Hai Vinh Hai - Nhà Trang, 58	VN	6.000			6.000		0,58
64	0580/BN	ĐÀM THỊ MỸ	020052663	2/1998 12.00.00	56 Nguyễn Thái Bình - P. Ng. Thái Bình - Q.1, 08	VN	14.520			14.520		1,406
65	0581/BN	NGUYỄN NAM THẮNG	N.1273253	2/2009 12.00.00	198/14 Jecifkowski Dvorc St, 80-365 Gdansk, Bclan	BL	15.500			15.500		1,50
66	0781/BN	PHẠM THUY TRÂM	025253216	3/2010 12.00.00	897 A Ta Quang Báu - P.5 - Q.8, 08	VN	667			667		0,066
67	0782/BN	TRUÔNG VY VIỆT HANH	020521031	4/2003 12.00.00	32/22 Đường Văn Ngã - P.10 - Q. Phú Nhuận, 08	VN	250			250		0,02
68	0784/BN	CÙ LƯU VŨ	024630719		37/72 Trần Hưng Đạo, P. Cầu Kho, Q.1, 08	VN	500			500		0,044
69	0785/BN	ĐOÀN THANH HẢI	011185077	9/2006 12.00.00	9B1 Cư Xá Lâm Sơn, Nguyễn Oanh, Q.Gò Vấp, 08	VN	250			250		0,02
70	0786/BN	NGUYỄN QUANG HƯNG	023753718	4/2000 12.00.00	2D53 Sky Garden, Phu Mỹ Hưng, Q.7, 08	VN	500			500		0,04
71	0789/BN	TRẦN MINH DŨNG	023742153	7/1999 12.00.00	220/12 Nguyễn Trọng Tuyển, P.8, Q. Phú Nhuận, 08	VN	750			750		0,07
72	0792/BN	HOÀNG NGỌC ANH	022714490	1/2003 12.00.00	18 Bui/13/1 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đà Kao,Q.1, 08	VN	500			500		0,04

Stt	Mã CB	Tên cổ đông	C/MND/ GDKDN	Ngày cấp	Địa chỉ	Quốc tịch	CP được C, Nhượng	CP hạn chế	Mã CP hạn chế	Tổng CP sốหุ้น	Thời gian hạn chế	Tỷ lệ %
73	0793/BN	TRẦN QUỐC DŨNG	0247706619	6/2007 12.00.00	38 Hồ Văn Huệ - P.9 - Q. Phú Nhuận, 08	VN	250			250		0.02
74	0799/BN	TRẦN THỊ HỒNG	024570006	6/2006 12.00.00	1246/16 KP5 Tỉnh lộ 10 - P. Tân Tạo, Q. Bình Tân, 08	VN	200			200		0.01
75	0801/BN	NGUYỄN THỊ TRÚC LÊ	020077774	7/1993 12.00.00	C22 Cư Xá Phú Thọ Hoa, Gò Vấp, F.10, Q. Tân Bình, 08	VN	280			280		0.02
76	0802/VF	LÊ VĂN TÙNG	010076380	0/2001 12.00.00	Ban Quản lý Đầu tư và KD Tòa nhà EVN-11 Cửa Bắc Ba Đình Hà Nội, 04	VN	5.000			5.000		0.48
77	0804/VF	NGÔ XUÂN LỤC	023654113	2/2012 12.00.00	3 Phố Quang, P.2, Q. Tân Bình, 08	VN	1.600			1.600		0.15
78	0805/VF	PHẦN THỊ CAM	151255830	3/1996 12.00.00	117/22 Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, 08	VN	200			200		0.01
79	0807/VF	NGUYỄN NGỌC QUANG	011600667	7/2005 12.00.00	Nhà A1, Lô 8, Khu DT mới Đình Công, Q. Hoàng Mai, 04	VN	300			300		0.02
80	0812/VF	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	022057495	3/2001 12.00.00	1/178A Nguyễn Văn Quà - P. Đồng Hưng Thuận Q.12, 08	VN	620			620		0.06
81	0814/VF	THẠCH THỊ MINH ANH	021954841	4/2003 12.00.00	51/2 Khu phố 2, P. Tân Thới Hiệp, Q.12, 08	VN	135			135		0.01
82	0816/BN	CTY TNHH TM & DV VIỆT ÂU	0104547189	8/2013 12.00.00	23 Thái Nguyên, P. Phước Tân, TP Nhà Trang, 58	VN	294.579	300		294.879		28.55
83	0818/VF	TU DỊP THỊ AN	024295560	9/2004 12.00.00	133A Võ Thành Trang, P.11, Q. Tân Bình, 08	VN	500			500		0.04
84	0838/BN	TRẦN VĂN HOÀN	025486660	6/2011 12.00.00	Ấp Bến Dò 1 - Tân Phú Trung - Củ Chi - TP HCM, 08	VN	9.455			9.455		0.91
85	0839/BN	ĐOÀN MINH ĐỨC	023591546	9/1997 12.00.00	820/22D Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, 08	VN	250			250		0.02
86	0841/BN	DƯƠNG QUỐC HỒNG	023452881	8/2010 12.00.00	48/11A Hồ Biểu Chánh, P.11, Q. Phú Nhuận, TP HCM, 08	VN	500			500		0.04
87	0842/BN	NGUYỄN VĂN BẾN	020140493	5/2009 12.00.00	29/21 Hoàng Hoa Thám, P.6, Q. Bình Thạnh, TP HCM, 08	VN	245			245		0.02
88	0843/BN	NGUYỄN THỊ NGHIÊM	020052365	1/2007 12.00.00	25 Bà Văn - P.14 - Q. Tân Bình, TP HCM, 08	VN	5.205			5.205		0.50
89	NQ 360	CÔNG TY CP KỸ NGHIỆP VIỆT NAM	0300627384		913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP HCM, 08	VN	75.547			75.547		7.31
Tổng / phòng ban							504.222	300		504.522		48
Tổng							1.032.331	300		1.032.631		100.000

Người lập biểu

Ngô Thị Kim Hoàng



Đo Thị Minh Phương